

Số: **01** /2024/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày **03** tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia
hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm,
hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện
Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản
phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;*

*Xét Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của
Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản
phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra
số 37/BC-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện các
nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và
chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 được phê duyệt tại Quyết
định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ (sau
đây gọi là Chương trình 1322) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Các nội dung có liên quan đến mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk không quy định tại Nghị quyết này, được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Mức chi thực hiện công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng

1. Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết).

a) Mức chi nhuận bút cho tác phẩm của Công thông tin điện tử tỉnh:

- Mức chi đối với tin, trả lời chính sách; trả lời ý kiến của tổ chức hoặc công dân: chi $7,0 \times 10\%$ mức tiền lương cơ sở đối với tin loại A, chi $4,5 \times 10\%$ mức tiền lương cơ sở đối với tin loại B, chi $2,0 \times 10\%$ mức tiền lương cơ sở đối với tin loại C.

- Mức chi đối với tranh vẽ (sáng tác minh họa cho tác phẩm); ảnh (ảnh để minh họa cho tác phẩm, mang tính thời sự, bám sát nội dung): chi $2,0 \times 10\%$ mức tiền lương cơ sở đối với tranh, ảnh loại A; chi $1,5 \times 10\%$ mức tiền lương cơ sở đối với tranh, ảnh loại B; chi $1,0 \times 10\%$ mức tiền lương cơ sở đối với tranh, ảnh loại C; đối với các tác phẩm ảnh sưu tầm, đăng lại thì được hưởng 20% nhuận bút của tác phẩm tương tự.

- Mức chi đối với video: chi $6,0 \times 10\%$ mức tiền lương cơ sở/01 phút đối với video loại A; chi $5,0 \times 10\%$ mức tiền lương cơ sở/01 phút đối với video loại B; chi $4,0 \times 10\%$ mức tiền lương cơ sở/01 phút đối với video loại C.

- Mức chi đối với bài chính luận, phóng sự: chi $18,0 \times 10\%$ mức tiền lương cơ sở đối với nội dung bài loại A; chi $15,0 \times 10\%$ mức tiền lương cơ sở đối với nội dung bài loại B; chi $12,0 \times 10\%$ mức tiền lương cơ sở đối với nội dung bài loại C.

b) Mức chi nhuận bút cho tác phẩm được đăng tải trên Trang thông tin điện tử, Bản tin các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cấp tương đương bằng 70% so với định mức đối với Công thông tin điện tử tỉnh.

c) Mức chi thù lao: Đối với người cung cấp, tuyển chọn tài liệu, tin, bài, ảnh, video clip đăng lại, những người thực hiện các công việc liên quan đến tác phẩm được các cơ quan, đơn vị sử dụng thì được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng tác phẩm trả thù lao tùy theo mức độ đóng góp. Mức thù lao được chi trả mức tối đa không quá 20% giá trị nhuận bút của tác phẩm cùng thể loại - do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

2. Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử): Mức chi bằng 80% mức chi theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

3. Chi tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất chất lượng: Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4. Chi tạo lập, duy trì và khai thác phát triển cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn đối sánh, thực hành tốt về năng suất để phục vụ doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu liên quan khác: Mức chi bằng 80% mức chi theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 4. Mức chi đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng; tham gia các chương trình đào tạo của quốc tế

1. Chi biên soạn tài liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn về nâng cao năng suất chất lượng: Mức chi bằng 80% mức chi theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi tổ chức các khóa đào tạo trong nước đối với chuyên gia năng suất chất lượng, giảng viên năng suất chất lượng, cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động đối với kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng; mở rộng đào tạo kiến thức về năng suất chất lượng trong trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề: Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Chi thuê chuyên gia, giảng viên trong nước và nước ngoài tham gia các khóa đào tạo chuyên gia năng suất chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định: Mức chi bằng 80% mức thuê chuyên gia theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

4. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo của Tổ chức Năng suất Châu Á và các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực: Mức chi bằng 80% mức chi theo quy định tại Thông tư số 88/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

Điều 5. Mức chi tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Chi hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế; chi hỗ trợ tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng, an toàn và sinh thái của sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu chủ lực của địa phương: Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 6. Mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình 1322

1. Chi tư vấn xác định nhiệm vụ; tuyển chọn các nhiệm vụ của Chương trình 1322; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ của Chương trình 1322; tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan thường trực hoặc đầu mối tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322; tổ chức hội thảo khoa học; chi cho các nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế chính sách giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy, năng suất địa phương và doanh nghiệp trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế; các nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng: Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND.

2. Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình 1322: Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND.

3. Chi tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động nâng cao năng suất chất lượng từ nguồn ngân sách nhà nước: Mức chi bằng 80% mức chi theo quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

4. Chi các hoạt động hợp tác quốc tế về năng suất chất lượng: Mức chi bằng 80% mức chi theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí và theo quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Mức chi hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh

1. Các doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện tham gia Chương trình 1322 theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ được hỗ trợ các nội dung sau:

a) Chi hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản, đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù của ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý mới được công bố.

b) Chi hỗ trợ áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

c) Chi hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp.

d) Chi hỗ trợ chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

2. Nhiệm vụ hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Mười hai thông qua ngày 03 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 5 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, UB MTTQ VN tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh; đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp huyện sao gửi);
- Báo Đắk Lắk, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CT.HĐND.

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thị Chiến Hòa